

QUAN ĐIỂM VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG CUỐN SÁCH *MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM* CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

TS TRẦN NGỌC SON

Học viện Chính trị khu vực III

Trong cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 2022, ở trang 25, đề cập đến thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, có đoạn viết: “Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới”¹.

Để nghiên cứu, trao đổi quan điểm trên, chúng ta cần xem xét hai vấn đề cơ bản sau đây: 1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; 2. Sự vận dụng của Đảng ta về lý luận thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Lý luận về thời kỳ quá độ (TKQĐ) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ giai đoạn chuyển tiếp còn đan xen những yếu tố, đặc điểm của hai hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp là xã hội xã hội chủ nghĩa) với hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Sự ra đời học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác và Ph.Ăngghen đã đánh dấu một bước nhận thức mới, thực sự khoa học về lịch sử nhân loại. Với quan điểm *sản xuất vật chất* là cơ sở của đời sống xã hội, *phương thức sản xuất* quyết định các mặt của đời sống xã hội, đồng thời cũng là cơ sở *quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế* lẫn nhau giữa các hình thái kinh tế - xã hội; các ông cho rằng, xã hội loài người đã và sẽ tuần tự trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, trong đó hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN) là hình thái cuối cùng, tiến bộ nhất trong lịch sử loài người². Sự chuyển tiếp giữa các hình thái kinh tế - xã hội chính là *thời kỳ quá độ*. Quan niệm về hai giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội CSCN: giai đoạn thấp tương ứng

với CNXH hay *xã hội xã hội chủ nghĩa*, giai đoạn cao là *chủ nghĩa cộng sản* hay *xã hội CSCN*, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia... một TKQĐ về chính trị..., chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản, và đó là “những cơn đau đẻ kéo dài”. Trong *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, C.Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”³.

Vận dụng lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười (1917), V.I.Lênin đã phát triển lý luận về TKQĐ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH. Theo ông, TKQĐ lên CNXH là tất yếu, khách quan đối với mọi nước xây dựng CNXH, song đối với những nước có lực lượng sản xuất phát triển cao thì TKQĐ lên CNXH có nhiều thuận lợi hơn, có thể ngắn hơn so với những nước đi lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Theo V.I.Lênin, “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu”⁴. Đây là thời kỳ mà trong lĩnh vực kinh tế “có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội?”⁵. V.I.Lênin phân chia quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội CNCS thành 3 giai đoạn: (1) Giai đoạn “những cơn đau đẻ kéo dài”, tức “thời kỳ quá độ” từ chủ nghĩa tư bản đi lên CNXH; (2) Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, hay còn gọi là giai đoạn thấp, tương ứng là xã hội XHCN; (3) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chính là xã

hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản) đã ở mức độ hoàn bị đúng bản chất của nó.

Như vậy, “thời kỳ quá độ” là một *giai đoạn độc lập, có vị trí riêng biệt* nằm giữa chủ nghĩa tư bản và CNXH, nó chưa phải là CNXH và cũng không nằm ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Đây là một nhận thức quan trọng trong cả lý luận và thực tiễn, cho phép những người cộng sản xác định được đặc điểm, nội dung và nhiệm vụ, mục đích của TKQĐ cũng như các giai đoạn tiếp theo sau TKQĐ.

Tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của TKQĐ được V.I.Lênin chỉ rõ và theo ông nó được quy định, phụ thuộc bởi xuất phát điểm từ những tiền đề về kinh tế, văn hóa, xã hội khi bước vào TKQĐ của mỗi quốc gia cụ thể. V.I.Lênin viết: “... tất yếu phải có một thời kỳ quá độ lâu dài và phức tạp từ xã hội tư bản chủ nghĩa (xã hội đó càng ít phát triển, thì thời kỳ đó càng dài)... tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa”⁶. Như vậy, bản thân những nước quá độ từ chủ nghĩa tư bản đã cần có TKQĐ khá lâu dài thì đối với những nước có điểm xuất phát thấp hơn chủ nghĩa tư bản (tiền chủ nghĩa tư bản) lại càng cần phải có một TKQĐ lâu dài hơn nhiều lần. Điều này hoàn toàn đúng về tính quy luật và tính khách quan. Theo tính quy luật thì CNXH ra đời trên cơ sở của sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa tư bản; song về khách quan, CNXH cũng có thể ra đời từ xuất phát điểm thấp hơn chủ nghĩa tư bản khi những tiền đề cho sự ra đời xuất hiện và thời cơ chín muồi. Đó chính là những khả năng, những cơn đường hiện thực ra đời một cách tất yếu của xã hội mới - xã hội XHCN.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về lý luận thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Việc nhận thức và vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình sáng tạo, bổ sung, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong từng giai đoạn với các nhận thức nhất định và ngày càng rõ hơn, thể hiện ở một số điểm sau:

Thứ nhất, về tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, trang 25 sách đã dẫn của Tổng Bí thư, có đoạn viết: “Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một

sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội”. Nhận thức này không phải bây giờ mới có, mà ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ con đường cách mạng của nước ta là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Đối với nhiệm vụ tiến lên xã hội cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, do điều kiện đặc thù của nước ta nên “tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều”, mà cần thực hiện từng bước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, sau hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954), do chủ quan, duy ý chí và mong muốn xây dựng CNXH một cách nhanh chóng ở miền Bắc, Hội nghị Trung ương 13 khóa II (12-1957), đã nhấn mạnh *quan điểm quá độ trực tiếp* thay thế cho *quan điểm quá độ dần dần, từng bước*⁷. Quan điểm này được duy trì trong giai đoạn trước đổi mới và đạt được những thành tựu nhất định trong xây dựng CNXH, nhất là huy động được sức người, sức của trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhưng do duy trì quá lâu nên đã phát sinh những hệ quả tiêu cực. Đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 thế kỷ XX, Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Bằng việc nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội VI đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm, trong đó khẳng định “Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”⁸; và nhận định TKQĐ ở nước ta, “là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”⁹. Nhận thức này đã khắc phục được tư tưởng chủ quan, nóng vội, giản đơn về TKQĐ. Tại Đại hội VII năm 1991, Đảng ta chỉ ra, trong quá trình xây dựng CNXH, chúng ta “đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp;...”¹⁰. Cương lĩnh nêu rõ, quá độ đi lên CNXH ở nước ta trong “hoàn cảnh quốc tế có những biến

đổi to lớn và sâu sắc” nên cần phải trải qua *quá trình lâu dài với nhiều chặng đường*. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tổng kết 15 năm đổi mới, Đảng ta một lần nữa khẳng định: thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là sự nghiệp *rất khó khăn, phức tạp, phải trải qua một thời kỳ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế - xã hội có tính chất quá độ*.

Thứ hai, về nội dung quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, cũng ở trang 25, sách đã dẫn của Tổng Bí thư nêu rõ: “Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề”. Trước Đại hội IX (2001), các văn kiện của Đảng nhấn mạnh, Việt Nam đi lên CNXH “bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN” hoặc “không trải qua CNTB”. Tuy nhiên, nhận thức việc bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN là bỏ qua cái gì, bỏ qua như thế nào thì còn chung chung, thiếu tính cụ thể, rõ ràng. Từ nhận định này, những giai đoạn xây dựng CNXH ở Việt Nam trước đây đã dẫn đến tư duy chủ quan, duy ý chí, tách biệt hoàn toàn mối quan hệ giữa các hình thái kinh tế - xã hội, giữa các chế độ xã hội; phủ nhận thành quả mà nhân loại đã đạt được qua các chế độ xã hội, các hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Điều này đã dẫn đến trên thực tế chúng ta đã “bỏ qua” nhiều thành tựu của nhân loại đã đạt được ở các xã hội trước đó, làm mất đi các “tiềm năng” cho sự phát triển xã hội. Đến Đại hội IX, trên cơ sở đổi mới tư duy, rút ra những bài học kinh nghiệm, Đảng ta đã khẳng định, để đi lên CNXH, loài người cần tiếp thu các thành tựu về mọi mặt mà nhân loại đã đạt được trong các chế độ xã hội trước đó. Từ đó, Đảng ta xác định lại việc “bỏ qua chủ nghĩa tư bản” trên con đường quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam là “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”¹¹. Và điều này một lần nữa được

khẳng định trong bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.”¹². Đây thực chất là bước phát triển mới về nhận thức bỏ qua chế độ TBCN, nhận thức này đã trực tiếp khẳng định trên hai phương diện: *Một là*, xét trên cơ sở lý luận hình thái kinh tế - xã hội thì việc bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN. *Hai là*, xét theo dòng chảy và tiến bộ lịch sử thì CNXH là nấc thang cao hơn CNTB nên cần tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong CNTB. Trong thực tiễn, Đảng ta đã thể hiện rõ nhận thức về bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột, bất công, bóc lột TBCN; bỏ qua thể chế chính trị, luật pháp không phù hợp với chế độ XHCN, chứ không bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển CNTB.

Thứ ba, về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chặng đường đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Sau năm 1975, chủ trương, đường lối được Đại hội IV xác định là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng¹³, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; công nghiệp hóa XHCN là nhiệm vụ trung tâm của cả TKQĐ lên CNXH; xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN, xây dựng nền sản xuất lớn XHCN,... Mục tiêu tổng quát trong giai đoạn đầu của TKQĐ được xác định là: “ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”¹⁴. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc chủ quan, duy ý chí trong việc đề ra đường lối, mục tiêu mà không tuân theo quy luật, thiếu những đánh giá khách quan về tình hình cụ

thể đã đem lại kết quả không như mong đợi. Vì vậy, từ sự nhìn nhận lại tính chất và đặc điểm của TKQĐ, đánh giá các thành quả và hạn chế trong quá trình xây dựng CNXH trước đó, Cương lĩnh “Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” năm 1991 (gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*), xác định rõ mục tiêu tổng quát khi kết thúc TKQĐ ở Việt Nam là “xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”¹⁵. Trong đó, mục tiêu của chặng đường đầu TKQĐ ở nước ta là: “Thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định, vững chắc tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”¹⁶. Tổng kết việc thực hiện mục tiêu của Đại hội VII, *Cương lĩnh 1991* và căn cứ vào tình hình thực tế đất nước, Đại hội VIII (1996) khẳng định, nước ta đã “ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng”, kết thúc chặng đường đầu tiên và bắt đầu bước vào chặng đường tiếp theo của TKQĐ đi lên CNXH với nội dung trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Điều này cũng được nhấn mạnh lại ở Đại hội IX (2001) và Đại hội X (2006).

Đến Đại hội XI (2011), với mục tiêu tổng quát là “xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của CNXH với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước XHCN ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”¹⁷ là định hướng mà Đại hội XI đề ra nhằm phát triển nhanh và bền vững đất nước. Theo đó, đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam cần phấn đấu trở thành “một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁸. Mục tiêu này được Đại hội XII (2016), tiếp tục khẳng định, đồng thời chỉ rõ 12 nhiệm vụ tổng quát¹⁹. Đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về *hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* tiếp tục làm rõ hơn quan điểm, mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây thực chất là việc cụ thể hóa mục tiêu chung, đồng thời trực tiếp thực hiện mục tiêu của chặng đường đầu TKQĐ mà Cương lĩnh đã xác định.

Thứ tư, về mô hình xây dựng CNXH; thể chế kinh tế; mô hình nhà nước trong giai đoạn đầu của TKQĐ đi lên CNXH

Về mô hình xây dựng CNXH ở Việt Nam: từ 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong Cương lĩnh 1991, đến 8 đặc trưng ở Đại hội X (2006) và 8 đặc trưng trong Cương lĩnh “Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (Bổ sung, phát triển năm 2011) (gọi tắt là Cương lĩnh 2011), mô hình xã hội XHCN mà nhân dân ta tập trung xây dựng, hướng tới đã được bổ sung, toàn diện và hoàn chỉnh hơn. Trong đó, đặc trưng bao trùm, tổng quát là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”²⁰. Trong các đặc trưng về xã hội XHCN mà nhân dân ta tập trung xây dựng, hướng tới, việc kế thừa những thành tựu mà xã hội loài người đã đạt được dưới CNTB thể hiện rõ qua các đặc trưng về thể chế kinh tế và mô hình nhà nước, (hai lĩnh vực quan trọng, ảnh hưởng quyết định nhất đến cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội).

Về đổi mới thể chế kinh tế, đã được Đại hội VI chính thức nêu ra qua yêu cầu cần trở lại quan điểm của V.I.Lênin về một “nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần” trong TKQĐ. Thể chế kinh tế trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam được Đảng ta tập trung xây dựng, từng bước bổ sung, hoàn thiện. Nếu như từ Đại hội VI đến Đại hội VII, Đảng khởi thảo và tiến tới xác định trong *Cương lĩnh 1991*: “nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần” là đặc trưng cơ bản của thể chế kinh tế ở TKQĐ lên CNXH, thì đến *Cương lĩnh năm 2011* và Văn kiện Đại hội XII đã thống nhất xác định: “Thống nhất nhận thức nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”²¹. Đến Đại hội XIII (2021) tiếp tục khẳng định và thống nhất định hướng: “Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”²².

Về mô hình nhà nước của xã hội XHCN mà Nhân dân ta tập trung xây dựng đã được nhận thức, bổ sung và phát triển qua nhiều kỳ đại hội. Từ khái niệm “dân chủ” và “hệ thống chính trị” được chính

thức đưa vào văn kiện của Đảng ở Hội nghị Trung ương 3, khóa VI (1989), đến khái niệm “Nhà nước pháp quyền Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” trong Cương lĩnh 1991 và khái niệm “nhà nước pháp quyền XHCN” chính thức được khẳng định ở Đại hội X (2006) là những bước phát triển trong nhận thức về mô hình nhà nước ở Việt Nam. Điều này được tiếp tục khẳng định trong Đại hội XII (2016), theo đó cần “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước; tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”²⁵. Đại hội XIII tiếp tục xác định... là những bước phát triển lớn trong nhận thức về mô hình Nhà nước XHCN ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH.

Như vậy, từ quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về TKQĐ lên CNXH, trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam, nhận thức của Đảng ta về thời kỳ quá độ đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn. Điều này chính là kết quả của quá trình đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn và sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam trong mỗi thời kỳ phát triển. Đến Đại hội XIII của Đảng là một cột mốc quan trọng trong lịch sử Đảng, đánh dấu cả một quá trình hình thành, bổ sung, phát triển cũng như đúc kết những vấn đề lý luận cơ bản, toàn diện về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Trong đó, lý luận về TKQĐ lên CNXH của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được Đảng ta trung thành và vận dụng sáng tạo không ngừng, đem lại những tư duy, nhận thức mới về CNXH ở Việt Nam; đồng thời, mở ra một thời kỳ phát triển mới của dân tộc Việt Nam trên con đường đi lên CNXH. Đó là những gì có thể nói về quan niệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được nêu trong cuốn sách nói trên đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khái quát lại một cách ngắn gọn nhất về những vấn đề cơ bản về lý luận về kỳ quá độ lên CNXH của chủ nghĩa Mác - Lênin và được vận dụng một cách sáng tạo, sinh động phù hợp với thực tiễn của nước ta trong thời gian qua.

Xem tiếp trang 30

những người tốt, việc tốt, mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng”¹⁶. Tai mắt của nhân dân rất tinh tường, nhìn nhận đánh giá cán bộ, đảng viên khá chính xác, công bằng. Vì vậy, việc xác lập cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, tiếp nhận ý kiến góp ý, phê bình của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên là hết sức cần thiết hiện nay. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng cần quan tâm, động viên nhân dân tích cực tham gia giám sát việc nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc, nơi cư trú, nhất là đảng viên là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa tổ chức đảng, đảng viên với nhân dân; lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên. Tiếp tục duy trì thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02-01-2020 về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú. Tăng cường giám sát đảng viên, nhất là về

chính trị tư tưởng, về việc lập và sử dụng các trang thông tin trên internet, mạng xã hội, đảng viên ở ngoài nước và đảng viên ra nước ngoài công tác, học tập, lao động...; tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt đảng đối với đảng viên là sinh viên tốt nghiệp, bộ đội xuất ngũ, đảng viên đi làm ăn xa nơi đăng ký thường trú.

1, 9, 11, 12, 14, 15, 16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 2, tr. 280; t. 15, tr. 113; t. 15, tr. 672; t. 9, tr. 145; t. 8, tr. 289; t. 9, tr. 46; t. 5, tr. 272; t. 5, tr. 302.

2, 5, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

3, 6, 8, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2021, t. 2, tr. 188; t. 2, tr. 168; t. 1, tr. 91.

4. Hạnh Nguyên: *Phòng, chống tham nhũng ngày càng quyết liệt, đi vào chiều sâu và toàn diện*, Báo Nhân dân, ngày 29-6-2022, tr. 5.

13. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 21 - 22.

QUAN ĐIỂM VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI...

Tiếp theo trang 16

1, 12. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 25, 25.

2. Năm hình thái kinh tế - xã hội theo C.Mác và Ph.Ăngghen là: Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy (công xã nguyên thủy); Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ; Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến; Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, t. 19, tr. 47.

4, 5, 6. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, t. 39, tr. 309 - 310; t. 39, tr. 362; t. 44, tr. 197.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (12-1957)*.

8, 9, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb CTQG - ST, H, 1986, tr. 30, tr. 41, tr. 42.

10, 15, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb CTQG - ST, H, 1991, tr. 1; tr. 13 - 14; tr. 14 - 15.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 84.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb ST, H, 1977, tr. 67.

17, 18, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 71; tr. 71; tr. 70.

19, 21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Nxb CTQG, H, 2016, tr.77, tr. 5, tr. 21.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 114.